



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
C.TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI

Số:*45*.../HEID - CV

V/v: Công bố BCTC riêng năm 2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
2. Mã chứng khoán: EID
3. Địa chỉ đăng ký kinh doanh: 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại: 0.4.35123939 – Fax: 0.4.35123838
5. Người thực hiện công bố thông tin: Lê Thành Anh (Tổng Giám đốc Công ty – Người Đại diện trước Pháp luật).
6. Nội dung công bố thông tin: Báo cáo Tài chính riêng năm 2021 của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (được lập ngày 21/02/2022).
7. Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://www.heid.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT
- Lưu TCHCTH





NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM
C.TY CP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI

Số:~~46~~... /HEID - CV

V/v: Giải trình chênh lệch tăng LNST trong
BCTC riêng năm 2021 so với năm 2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 22 tháng 02 năm 2022

Kính gửi: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (HEID) đã có Báo cáo tài chính riêng năm 2021 gửi lên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo đúng quy định. Trong đó một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 có tăng hơn so với năm 2020 (chênh lệch trên 10%). Vì vậy, Công ty chúng tôi làm công văn này xin giải trình đến Quý Sở cụ thể như sau:

Năm 2021 là năm thứ 2 thực hiện Nghị quyết 88 của Quốc hội về đổi mới Chương trình, Sách giáo khoa giáo dục phổ thông với các lớp 1,2,6 đã được học sách giáo khoa mới. Doanh thu năm 2021 từ các mảng sách mới góp phần tăng 13% doanh thu so với năm 2020. Đặc biệt doanh thu mảng sách tiếng Anh (mảng có hiệu quả cao) tăng 26% so với cùng kì dẫn đến lợi nhuận sau thuế năm 2021 tăng so với năm 2020 (chênh lệch trên 10%).

Trân trọng báo cáo!

Nơi nhận :

- Như trên
- HĐQT, BKS, Ban TGD, KTT
- Lưu TCHCTH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN
GIÁO DỤC HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06 - 46
Bảng cân đối kế toán riêng	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12 - 46

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102222393 cấp lần đầu ngày 17/04/2007 và thay đổi lần thứ 04 ngày 26/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ đăng ký kinh doanh tại: 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch	
Ông Vũ Bá Khánh	Phó Chủ tịch	(Miễn nhiệm thành viên HĐQT ngày 21/04/2021)
Bà Đỗ Thị Phương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2021)
Ông Lê Thành Anh	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2021)
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2021)
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên	
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2021)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Thành Anh	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 21/04/2021)
Ông Vũ Bá Khánh	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 21/04/2021)
Bà Dương Thị Việt Hà	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/01/2021)
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/06/2021)
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 01/06/2021)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Kiểm soát viên
Ông Phan Đức Minh	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Thành Anh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được lập ngày 21/02/2022, từ trang 06 đến trang 46, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0762-2018-002-1

Y
GƯA
:10
SC
4-11

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		402.159.051.252	374.071.189.720
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	194.823.071.691	169.594.598.484
111	1. Tiền		14.823.071.691	17.594.598.484
112	2. Các khoản tương đương tiền		180.000.000.000	152.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	11	27.780.900	10.014.727.500
121	1. Chứng khoán kinh doanh		118.776.400	118.776.400
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(90.995.500)	(104.048.900)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11	-	10.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		73.974.143.326	63.172.753.040
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	66.748.197.034	71.832.406.922
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	20.831.607.347	13.989.459.506
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	8.290.407.909	7.024.192.112
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(21.896.068.964)	(29.673.305.500)
140	IV. Hàng tồn kho	8	124.809.049.073	123.115.321.095
141	1. Hàng tồn kho		146.016.329.674	136.494.619.172
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(21.207.280.601)	(13.379.298.077)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.525.006.262	8.173.789.601
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	8.308.553.549	8.168.946.601
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	216.452.713	4.843.000

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		149.821.045.708	147.880.747.322
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		381.800.000	381.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	381.800.000	381.800.000
220	II. Tài sản cố định		2.508.495.708	268.197.322
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	2.508.495.708	268.197.322
222	- Nguyên giá		12.274.853.843	11.422.736.934
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.766.358.135)	(11.154.539.612)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		-	300.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	300.000.000
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	11	146.930.750.000	146.930.750.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		129.662.000.000	129.662.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		14.056.250.000	14.056.250.000
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.212.500.000	1.212.500.000
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		2.000.000.000	2.000.000.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		551.980.096.960	521.951.937.042

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		241.638.095.613	232.762.617.633
310	I. Nợ ngắn hạn		241.638.095.613	232.762.617.633
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	63.863.887.900	47.684.298.738
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		122.767.947	227.910.677
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	6.407.458.991	3.175.863.218
314	4. Phải trả người lao động		29.298.174.807	16.454.272.755
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	14	31.126.934.575	31.990.590.159
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	3.331.153.533	483.657.891
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	98.467.891.953	125.301.821.376
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.019.825.907	7.444.202.819
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		310.342.001.347	289.189.319.409
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	310.342.001.347	289.189.319.409
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		150.000.000.000	150.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.945.655.948	1.945.655.948
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		98.733.454.335	84.096.545.170
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		23.543.313.176	21.240.214.238
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		36.119.577.888	31.906.904.053
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		3.876.192.763	3.876.192.763
421b	LNST chưa phân phối năm nay		32.243.385.125	28.030.711.290
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		551.980.096.960	521.951.937.042



Lương Ngọc Bích
 Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
 Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	787.474.345.003	680.163.574.568
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	34.969.062.960	15.021.976.845
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		752.505.282.043	665.141.597.723
11	4. Giá vốn hàng bán	21	543.515.563.958	492.256.997.999
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		208.989.718.085	172.884.599.724
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	7.288.337.050	4.667.875.643
22	7. Chi phí tài chính	23	11.085.033.150	10.079.220.691
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		6.660.710.822	7.733.531.174
25	8. Chi phí bán hàng	24	79.687.118.902	68.377.685.937
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	64.548.355.975	48.081.702.157
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		60.957.547.108	51.013.866.582
31	11. Thu nhập khác	26	936.274.430	126.950.895
32	12. Chi phí khác		26.971.578	267.979.921
40	13. Lợi nhuận khác		909.302.852	(141.029.026)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		61.866.849.960	50.872.837.556
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	15.804.871.208	10.828.964.283
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		46.061.978.752	40.043.873.273

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		61.866.849.960	50.872.837.556
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(92.760.046)	18.998.519.045
02	- Khấu hao tài sản cố định		385.429.432	1.247.794.037
03	- Các khoản dự phòng		37.692.588	14.325.186.008
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(7.176.592.888)	(4.307.992.174)
06	- Chi phí lãi vay		6.660.710.822	7.733.531.174
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		61.774.089.914	69.871.356.601
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.811.925.108)	(24.764.207.081)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(9.521.710.502)	63.472.953.563
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		29.012.207.756	(2.843.053.286)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(139.606.948)	26.012.255.461
14	- Tiền lãi vay đã trả		(6.693.814.187)	(7.755.731.087)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(10.650.191.284)	(10.499.897.673)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	115.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.333.673.726)	(5.129.639.706)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		55.635.375.915	108.479.036.792
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.625.727.818)	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		618.181.818	90.909.091
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.000.000.000	10.000.000.000
26	4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	9.492.800.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.434.572.715	3.827.520.990
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		14.427.026.715	23.411.230.081
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		185.752.575.775	332.525.493.062
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(212.586.505.198)	(339.580.866.589)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(18.000.000.000)	(19.500.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(44.833.929.423)	(26.555.373.527)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		25.228.473.207	105.334.893.346
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		169.594.598.484	64.259.705.138
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>194.823.071.691</u>	<u>169.594.598.484</u>

Lương Ngọc Bích
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 310/QĐ-TCNS ngày 23/03/2007 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102222393 cấp lần đầu ngày 17/04/2007 và thay đổi lần thứ 04 ngày 26/04/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ đăng ký kinh doanh: 187B Giảng Võ, Phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch của Công ty tại: Tòa nhà HEID, ngõ 12 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 118 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 109 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Phát hành xuất bản phẩm;
- Phát hành sách giáo khoa, sách bổ trợ, sách tham khảo chất lượng cao, các sản phẩm giáo dục theo hướng đổi mới phương pháp dạy học, tự học và các loại sản phẩm giáo dục khác;
- Kinh doanh các sản phẩm thiết bị giáo dục, thiết bị văn phòng, các phần mềm giáo dục, văn phòng phẩm, vở học sinh, quần áo, đồng phục cho học sinh và lịch các loại;
- Thiết kế mỹ thuật, chế bản, tạo mẫu in (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Dịch vụ dịch thuật, phiên dịch, biên dịch và mua bán bản quyền tác giả;
- Tư vấn và cung cấp dịch vụ biên soạn, thiết kế nội dung chương trình dạy học, phòng học chuyên dùng và phương tiện dạy học;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng

Công ty chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh, phát hành sách và thiết bị giáo dục. Đặc thù ngành nghề kinh doanh này là mang tính thời vụ, các loại sách giáo khoa, sách bổ trợ sách giáo khoa và sách tham khảo chủ yếu được phát hành và phân phối trong giai đoạn Quý II và Quý III hàng năm (là giai đoạn chuẩn bị cho năm học mới).

Tình hình in và phát hành sách giáo khoa cho năm học 2021-2022 Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, các nhà in và Công ty cũng đã chủ động các phương án để đẩy mạnh hoạt động phát hành sách nhằm thực hiện chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo trong việc đảm bảo cung ứng sách giáo khoa đầy đủ cho các cấp học đặc biệt là các lớp 1, 2, 6 áp dụng theo chương trình giáo dục phổ thông mới, tập huấn, phân phối sách đến các địa bàn. Công ty cũng đã nỗ lực trong việc duy trì các thị trường, địa bàn tiêu thụ truyền thống, đồng thời đẩy mạnh công tác giới thiệu sách giáo khoa mới mà Công ty phát hành và phân phối đến các địa bàn tiềm năng. Ngoài ra, Công ty cũng

tổ chức tốt công tác tập huấn, hướng dẫn giảng dạy, sử dụng sách mới đã góp phần đáng kể vào việc duy trì và phát triển thị trường tiêu thụ. Trong năm, tình trạng in lậu và tiêu thụ các loại sách giáo khoa giả giảm sau khi các cơ quan chức năng liên tiếp phát hiện và khởi tố các vụ án in lậu và tiêu thụ sách giả có quy mô góp phần lành mạnh thị trường cho các đơn vị phát hành sách chính thống như Công ty.. Các nguyên nhân chủ yếu nêu trên dẫn đến sản lượng phát hành sách của Công ty tăng mạnh đồng thời các chi phí bán hàng như chi phí tập huấn giới thiệu sách và chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng tương ứng so với năm trước.

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty: xem chi tiết tại Thuyết minh số 11.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn, trái phiếu và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: Căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: Nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; Nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo giá trị nguyên vật liệu đã xuất và đang còn tồn tại các đơn vị nhận gia công.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 03 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 05 năm |

2.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh.

Khi đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, BCC được giao cho đối tác hạch toán toàn bộ doanh thu, chi phí, thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước và phân chia lợi nhuận sau thuế theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng BCC.

2.13. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ và không được khấu trừ được hạch toán riêng; trường hợp không hạch toán riêng được thì thuế đầu vào được khấu trừ tính theo tỷ lệ (%) giữa doanh thu chịu thuế GTGT, doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế GTGT so với tổng doanh thu của hàng hóa, dịch vụ bán ra bao gồm cả doanh thu không phải kê khai, tính nộp thuế không hạch toán riêng được. Đối với thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ, Công ty thực hiện phân bổ vào giá vốn hàng bán theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.
- Phí bản thảo, phí quản lý xuất bản được ghi nhận căn cứ theo hóa đơn tài chính của nhà xuất bản và được phân bổ vào giá thành căn cứ vào số lượng sách in nhập kho trong kỳ.
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 12 tháng.
- Chi phí thuê văn phòng chờ phân bổ được ghi vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

2.16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài

ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên báo cáo tài chính riêng của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.22. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, ...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.24. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25. Thông tin bộ phận

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh sách giáo dục và các sản phẩm giáo dục khác, và toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	1.013.789.289	589.999.010
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.809.282.402	17.004.599.474
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱ⁾	180.000.000.000	152.000.000.000
	<u>194.823.071.691</u>	<u>169.594.598.484</u>

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng có giá trị 180.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành với lãi suất 3,3%/năm.

4. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	3.139.314.196	(2.207.677.120)	16.286.548.291	(10.336.609.076)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lạng Sơn	19.937.917.588	(3.061.504.265)	10.775.767.600	(3.232.730.280)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	10.825.671.000	(3.247.701.300)	9.666.443.821	(3.150.138.628)
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lào Cai	2.611.685.703	-	1.717.818.183	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hưng Yên	1.967.730.045	-	1.714.077.798	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hồ Chí Minh	137.460.370	-	3.513.080.642	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Nghệ An	3.925.839.627	-	3.306.126.052	-
Các khách hàng khác	24.202.578.505	(4.124.783.673)	24.852.544.535	(6.500.698.419)
	66.748.197.034	(12.641.666.358)	71.832.406.922	(23.220.176.403)
b) Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan	27.130.042.537	(5.269.181.385)	38.257.923.988	(10.117.117.367)

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Trả trước cho người bán chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Nhà Máy in Bộ quốc phòng	9.955.398.435	-	6.335.749.647	-
Công ty TNHH Dịch vụ sách Nam An	5.476.035.165	(2.604.896.067)	5.210.278.134	-
Công ty TNHH Thiết bị Khoa học, dạy học, dạy nghề Nam Việt	1.080.000.000	-	67.500.000	-
Trả trước cho người bán khác	4.320.173.747	-	2.375.931.725	-
	20.831.607.347	(2.604.896.067)	13.989.459.506	-

6. PHẢI THU KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu lãi tiền gửi	845.901.370	-	422.063.015	-
Tạm ứng	685.000.000	-	39.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	110.000.000	-	110.000.000	-
Phải thu khác	6.649.506.539	(6.649.506.539)	6.453.129.097	(6.453.129.097)
- Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾	6.649.506.539	(6.649.506.539)	6.453.129.097	(6.453.129.097)
	8.290.407.909	(6.649.506.539)	7.024.192.112	(6.453.129.097)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	381.800.000	-	381.800.000	-
	381.800.000	-	381.800.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là bên liên quan	6.649.506.539	(6.649.506.539)	6.453.129.097	(6.453.129.097)

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

⁽ⁱ⁾ Đây là khoản vốn góp của Công ty để thực hiện Hợp đồng số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 giữa Công ty và các bên gồm: Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội; Công ty Cổ phần Học liệu Giáo dục tại Hà Nội; Công ty Cổ phần Sách Thiết bị Giáo dục Miền Bắc; Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội để cùng thực hiện Dự án xin cấp đất mở rộng mặt bằng sản xuất (làm kho, xưởng sản xuất).

Trong năm 2018, đại diện các bên góp vốn và chủ đầu tư (Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội) đã họp và thống nhất chủ trương chuyển nhượng, đảm bảo thu hồi vốn đầu tư trên nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất kho. Tuy nhiên đến nay, chủ đầu tư vẫn chưa thực hiện được chủ trương này. Công ty đánh giá công tác triển khai dự án hay chuyển nhượng lại dự án để thu hồi vốn là rất khó khăn và đã thực hiện trích lập dự phòng 100% đối với khoản phải thu này.

7. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam ⁽ⁱ⁾	3.139.314.196	931.637.076	10.336.609.076	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Lạng Sơn	19.937.917.588	16.876.413.323	10.775.767.600	7.543.037.320
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Sơn La	10.825.671.000	7.577.969.700	9.666.443.821	6.516.305.193
Dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, Hà Nội	6.649.506.539	-	6.453.129.097	-
Công ty TNHH Dịch vụ Sách Nam An	5.476.035.165	2.871.139.098	-	-
Các đối tượng khác	7.820.211.515	3.695.427.842	10.778.170.954	4.277.472.535
	53.848.656.003	31.952.587.039	48.010.120.548	18.336.815.048

Giá trị có thể thu hồi nêu trên được xác định bằng giá gốc trừ đi phần dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập cho các đối tượng phải thu này. Ban Tổng giám đốc Công ty đang thực hiện mọi biện pháp nhằm thu hồi toàn bộ các khoản nợ phải thu khó đòi này.

⁽ⁱ⁾ Do tình hình tiêu thụ bộ sách Tiếng anh 3S (Express) gặp nhiều khó khăn nên Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam chưa thể thanh toán khoản công nợ mua sách phát sinh từ năm 2017 theo đúng thời hạn thanh toán được quy định trong các hợp đồng mua bán. Căn cứ vào số nợ quá hạn và thời gian quá hạn thanh toán với công ty này trong các năm trước, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi. Năm nay, theo thỏa thuận hợp đồng giữa hai bên, Công ty đã đồng ý nhận trả lại bộ sách Tiếng Anh 3S (Express) của Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam, Công ty đã đồng thời hạch toán giảm nợ phải thu và dự phòng tương ứng đối với công ty này và ghi nhận một khoản hàng bán bị trả lại giá trị 10.483.753.120 VND (Thuyết minh 20). Công ty cũng đã đánh giá để trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các loại sách nhận trả lại (Xem Thuyết minh 8).

8. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	40.480.001.919	-	50.551.745.227	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	22.041.649.274	-	24.641.891.889	-
Thành phẩm	38.893.927.260	(21.207.280.601)	24.220.710.229	(13.379.298.077)
Hàng hoá	22.279.137.496	-	26.405.373.085	-
Hàng gửi đi bán	22.321.613.725	-	10.674.898.742	-
	146.016.329.674	(21.207.280.601)	136.494.619.172	(13.379.298.077)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là thành phẩm được trích lập do giá trị các loại sách chậm luân chuyển, đã lạc hậu về nội dung, cũ nát, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ và đang chờ thanh lý. Các loại sách này sẽ được Công ty xem xét biện pháp thanh lý khi hết mùa vụ phát hành.

⁽ⁱ⁾ Trong năm, Công ty nhập lại bộ sách Tiếng Anh 3S (Express) do Công ty Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam trả lại do khó tiêu thụ, Công ty đã lập hội đồng đánh giá trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho các đầu sách này bằng 100% trị giá vốn.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ chờ phân bổ ⁽ⁱ⁾	6.452.071.878	7.541.536.737
Chi phí thuê cửa hàng chờ phân bổ	246.400.000	259.000.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.610.081.671	368.409.864
	8.308.553.549	8.168.946.601

⁽ⁱ⁾ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ được phân bổ vào giá vốn hàng bán căn cứ theo tỷ lệ giữa giá vốn hàng bán so với giá vốn hàng bán cộng với giá thành của hàng tồn kho.

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	10.332.353.788	1.090.383.146	11.422.736.934
- Mua trong năm	2.246.373.636	379.354.182	2.625.727.818
- Thanh lý, nhượng bán	(1.773.610.909)	-	(1.773.610.909)
Số dư cuối năm	10.805.116.515	1.469.737.328	12.274.853.843
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	10.089.933.135	1.064.606.477	11.154.539.612
- Khấu hao trong năm	336.019.582	49.409.850	385.429.432
- Thanh lý, nhượng bán	(1.773.610.909)	-	(1.773.610.909)
Số dư cuối năm	8.652.341.808	1.114.016.327	9.766.358.135
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	242.420.653	25.776.669	268.197.322
Tại ngày cuối năm	2.152.774.707	355.721.001	2.508.495.708

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 7.841.373.389 VND.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	10.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn				
- Trái phiếu ⁽¹⁾	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
	2.000.000.000	-	12.000.000.000	-

⁽¹⁾ Công ty mua 200 trái phiếu của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam trong năm 2017 (100 trái phiếu) và năm 2019 (100 trái phiếu) với mệnh giá trái phiếu là 10.000.000 VND/trái phiếu, kỳ hạn 10 năm với lãi suất thả nổi.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	118.776.400	27.780.900	(90.995.500)	118.776.400	14.727.500	(104.048.900)
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)						
- Công ty Cổ phần Sông Đà - Thăng Long (STL)	74.600.000	14.853.400	(59.746.600)	74.600.000	1.800.000	(72.800.000)
- Công ty Cổ phần Hồng Hà Việt Nam (PHH)	22.400.000	8.000.000	(14.400.000)	22.400.000	8.000.000	(14.400.000)
Cổ phiếu đã niêm yết (**)						
- Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn (LSS)	21.500.000	4.887.500	(16.612.500)	21.500.000	4.887.500	(16.612.500)
- Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh (QNC)	276.400	40.000	(236.400)	276.400	40.000	(236.400)
	118.776.400	27.780.900	(90.995.500)	118.776.400	14.727.500	(104.048.900)

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu chưa niêm yết đang giao dịch đang giao dịch trên sàn chứng khoán UPCOM được xác định theo giá bình quân của cổ phiếu trên hệ thống ngày 31/12/2020 và ngày 31/12/2021. Giá hợp lý của các cổ phiếu đã niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/12/2020 và 31/12/2021 trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và HOSE.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Mã chứng khoán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	129.662.000.000	-	129.662.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công ⁽ⁱⁱ⁾	125.000.000.000	-	125.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục ⁽ⁱⁱ⁾	2.682.000.000	-	2.682.000.000	-
- Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn ⁽ⁱⁱ⁾	1.980.000.000	-	1.980.000.000	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	14.056.250.000	-	14.056.250.000	-
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây ⁽ⁱⁱⁱ⁾	14.056.250.000	-	14.056.250.000	-
Các khoản đầu tư khác	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ^(iv)	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
		EPH		
	144.930.750.000	-	144.930.750.000	-

(ii), (iii) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(iv) Do khoản đầu tư có ít giao dịch trên thị trường nên Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá giao dịch trên thị trường.

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Hà Nội	100%	100%	Kinh doanh Bất động sản
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Hà Nội	89,0%	89,0%	Dịch thuật, biên soạn và kinh doanh thiết bị giáo dục
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Lạng Sơn	66,0%	66,0%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2021 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Hà Nội	46,34%	46,34%	Kinh doanh sách, thiết bị trường học

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Hà Nội	4,85%	4,85%	Tổ chức biên soạn, biên tập, dịch thuật, thiết kế, minh họa chế bản sách giáo khoa

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	6.090.827.961	6.090.827.961	7.543.745.298	7.543.745.298
- Công ty TNHH Phần Mềm và Giải Pháp Sao Khuê	14.920.761.650	14.920.761.650	7.695.553.340	7.695.553.340
- Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	538.678.001	538.678.001	1.032.248.787	1.032.248.787
- Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	4.871.200.890	4.871.200.890	-	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	37.442.419.398	37.442.419.398	31.412.751.313	31.412.751.313
	63.863.887.900	63.863.887.900	47.684.298.738	47.684.298.738
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	11.567.880.629	11.567.880.629	11.039.545.999	11.039.545.999

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	116.071.911	785.278.638	674.000.864	-	227.349.685
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	581.821.528	15.804.871.208	10.650.191.284	-	5.736.501.452
Thuế thu nhập cá nhân	-	2.477.969.779	4.553.340.205	6.799.311.843	211.609.713	443.607.854
Các loại thuế khác	4.843.000	-	3.000.000	3.000.000	4.843.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	264.331	264.331	-	-
	4.843.000	3.175.863.218	21.146.754.382	18.126.768.322	216.452.713	6.407.458.991

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.483.896	41.587.261
Trích trước chi phí tổ chức bàn thảo, công in, tổ chức và quản lý xuất bản, phí bản quyền sách	24.686.897.680	24.348.191.709
Chi phí phải trả nhà cung cấp	3.168.827.290	5.080.706.122
Chi phí phải trả khác	3.262.725.709	2.520.105.067
	31.126.934.575	31.990.590.159

15. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	588.740.141	403.657.891
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.742.413.392	80.000.000
	3.331.153.533	483.657.891

16. VAY NGẮN HẠN

	01/01/2021		Trong năm		31/12/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	25.562.702.506	25.562.702.506	115.994.989.262	126.950.981.510	14.606.710.258	14.606.710.258
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	73.850.373.384	73.850.373.384	10.010.808.311	-	83.861.181.695	83.861.181.695
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	25.888.745.486	25.888.745.486	26.238.398.861	52.127.144.347	-	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà	-	-	33.508.379.341	33.508.379.341	-	-
	125.301.821.376	125.301.821.376	185.752.575.775	212.586.505.198	98.467.891.953	98.467.891.953

a) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng và tổ chức khác của Công ty như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Hình thức đảm bảo		
				31/12/2021	01/01/2021
	VND			VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	VND	Theo từng kế ước	Tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	14.606.710.258	25.562.702.506
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành	VND	Theo hợp đồng	Tín chấp	83.861.181.695	73.850.373.384
Ngân hàng TNHH MTV SHINHAN Việt Nam	VND	Theo từng kế ước	Quyền sở hữu và lợi ích trong các hợp đồng mua bán/cung cấp hàng hóa dịch vụ mà bên thế chấp có quyền sở hữu	-	25.888.745.486
				98.467.891.953	125.301.821.376

Mục đích vay ngắn hạn từ ngân hàng và tổ chức khác của Công ty là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Thuyết minh chi tiết về các khoản vay đối với các bên liên quan

Khoản vay đối với các bên liên quan của Công ty trong năm là khoản vay ngắn hạn đối với Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công (Công ty con), trong đó: Gốc vay tại thời điểm 01/01/2021 và 31/12/2021 lần lượt là 73.850.373.384 VND và 83.861.181.695 VND; Chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2021 và năm 2020 lần lượt là 4.130.980.212 VND và 3.639.630.066 VND.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	71.611.182.843	19.238.020.574	31.857.167.763	274.652.027.128
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	40.043.873.273	40.043.873.273
Chia cổ tức	-	-	-	-	(19.500.000.000)	(19.500.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	8.480.975.000	-	(8.480.975.000)	-
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	-	-	4.004.387.327	2.002.193.664	(6.006.580.991)	-
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	(4.004.387.328)	(4.004.387.328)
Tạm trích lập Quỹ điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	(2.002.193.664)	(2.002.193.664)
Số dư cuối năm trước	150.000.000.000	1.945.655.948	84.096.545.170	21.240.214.238	31.906.904.053	289.189.319.409
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	46.061.978.752	46.061.978.752
Chia cổ tức	-	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	10.030.711.290	-	(10.030.711.290)	-
Tạm phân phối quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	4.606.197.875	2.303.098.938	(6.909.296.813)	-
Tạm trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	(4.606.197.876)	(4.606.197.876)
Tạm trích lập Quỹ điều hành theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2021	-	-	-	-	(2.303.098.938)	(2.303.098.938)
Số dư cuối năm nay	150.000.000.000	1.945.655.948	98.733.454.335	23.543.313.176	36.119.577.888	310.342.001.347

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2021, Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2020 trên Báo cáo tài chính riêng		40.043.873.273
Đã tạm phân phối trong năm 2020 như sau:		12.013.161.983
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	10%	4.004.387.327
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	4.004.387.328
- Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	2.002.193.664
- Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	2.002.193.664
Phân phối phần lợi nhuận năm 2020 còn lại trong năm nay:		28.030.711.290
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	25%	10.030.711.290
- Chi trả cổ tức (Tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.200 VND)	12%/cổ phần	18.000.000.000
Lợi nhuận năm 2020 còn lại chưa phân phối		-

Theo phương án tạm phân chia kết quả kinh doanh năm 2021 của Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 20/04/2021, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2021 trên Báo cáo tài chính riêng		46.061.978.752
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	4.606.197.875
Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	4.606.197.876
Trích Quỹ điều hành của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	5%	2.303.098.938
Quỹ bổ sung vốn điều lệ	5%	2.303.098.938
Lợi nhuận năm 2021 còn lại chưa phân phối		32.243.385.125

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021 VND	Tỷ lệ %	01/01/2021 VND	Tỷ lệ %
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	60.246.000.000	40,16%	60.246.000.000	40,16%
AFC VF Limited	15.647.000.000	10,43%	8.969.000.000	5,98%
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	7.581.890.000	5,05%	7.581.890.000	5,06%
Peter Eric Dennis	8.433.000.000	5,62%	7.816.000.000	5,21%
Các cổ đông khác	58.092.110.000	38,74%	65.387.110.000	43,60%
	150.000.000.000	100%	150.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	18.000.000.000	19.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>18.000.000.000</i>	<i>19.500.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	18.000.000.000	19.500.000.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>18.000.000.000</i>	<i>19.500.000.000</i>
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả cuối năm	-	-

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>15.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	98.733.454.335	84.096.545.170
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	23.543.313.176	21.240.214.238
	122.276.767.511	105.336.759.408

18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê văn phòng, cửa hàng và các nhà kho theo hợp đồng thuê hoạt động. Tại thời điểm 31/12/2021, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	7.051.996.364	6.006.632.727
Từ 1 năm đến 5 năm	7.130.280.000	9.384.185.455
Trên 5 năm	175.000.000	720.000.000

19. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	580.230.406.747	485.071.471.199
Doanh thu bán sách tham khảo	134.722.103.270	134.890.280.634
Doanh thu bán vật tư	1.614.497.722	2.097.055.127
Doanh thu bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	70.907.337.264	58.104.767.608
	787.474.345.003	680.163.574.568
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	177.260.611.538	159.267.499.290

20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	22.534.796.673	10.612.755.342
Hàng bán bị trả lại ⁽ⁱ⁾	12.434.266.287	4.409.221.503
	34.969.062.960	15.021.976.845

⁽ⁱ⁾ Trong đó, Hàng bán bị trả lại năm 2021 bao gồm bộ sách Spark Special Edition với tổng số lượng 224.330 bản với giá trị 10.483.753.120 được nhận trả lại từ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam (Xem Thuyết minh 7 và 8).

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn bán sách giáo khoa, sách bổ trợ	401.555.810.342	327.397.945.162
Giá vốn bán sách tham khảo	84.576.989.941	115.297.303.202
Giá vốn bán vật tư	1.705.137.914	2.153.112.629
Giá vốn bán thiết bị giáo dục, hàng khai thác ngoài, khác	47.849.643.237	42.269.852.400
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	7.827.982.524	5.138.784.606
	543.515.563.958	492.256.997.999
Trong đó: Giá vốn đối với các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	228.093.277.702	92.714.395.921

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	5.589.161.070	3.145.833.083
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.269.250.000	1.071.250.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	429.925.980	450.792.560
	7.288.337.050	4.667.875.643
Trong đó: Doanh thu tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	1.269.250.000	1.071.250.000

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền vay	6.660.710.822	7.733.531.174
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	4.437.364.187	3.610.188.909
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(13.053.400)	(1.270.118.300)
Chi phí tài chính khác	11.541	5.618.908
	11.085.033.150	10.079.220.691
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	4.130.980.212	3.639.630.066

24. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	295.141.996	248.071.269
Chi phí nhân công	29.999.278.887	23.899.229.221
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	281.765.870	63.108.271
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.944.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.443.488.566	21.701.711.524
Chi phí khác bằng tiền	23.667.443.583	22.462.620.662
	79.687.118.902	68.377.685.937
Trong đó: Chi phí bán hàng mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	2.405.573.662	1.764.050.302

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	190.423.770	172.636.056
Chi phí nhân công	18.356.080.699	15.925.262.459
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	170.972.318	423.921.210
Chi phí khấu hao tài sản cố định	385.429.432	1.244.849.047
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	(7.777.236.536)	10.456.519.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.239.351.761	12.223.254.452
Chi phí khác bằng tiền	20.980.334.531	7.632.259.231
	64.548.355.975	48.081.702.157
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	5.527.116.453	5.524.811.296

26. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu từ thanh lý tài sản cố định	318.181.818	90.909.091
Các khoản khác	618.092.612	36.041.804
	936.274.430	126.950.895

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	61.866.849.960	50.872.837.556
Các khoản điều chỉnh tăng	11.777.249.540	497.051.024
- Lương HDQT không trực tiếp điều hành	289.629.629	160.000.000
- Chi phí bảo hiểm nhân thọ cho người lao động vượt định mức	11.376.000.000	-
- Các khoản chi phí không được trừ khác	111.619.911	337.051.024
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.269.250.000)	(1.071.250.000)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN	(1.269.250.000)	(1.071.250.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	72.374.849.500	50.298.638.580
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	1.329.901.308	769.236.567
Chi phí thuế TNDN hiện hành	15.804.871.208	10.828.964.283
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	581.821.528	252.754.918
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(10.650.191.284)	(10.499.897.673)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	5.736.501.452	581.821.528

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	215.007.582.629	220.731.412.102
Chi phí nhân công	48.355.359.586	39.824.491.680
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	452.738.188	487.029.481
Chi phí khấu hao tài sản cố định	385.429.432	1.247.794.037
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(7.777.236.536)	10.456.519.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	181.340.277.573	135.353.582.198
Chi phí khác bằng tiền	46.287.454.967	30.094.879.893
	484.054.605.839	438.198.709.093

29. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.823.071.691	-	169.594.598.484	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	75.420.404.943	(19.291.172.897)	79.238.399.034	(29.673.305.500)
Các khoản cho vay	-	-	10.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	118.776.400	(90.995.500)	118.776.400	(104.048.900)
Đầu tư trái phiếu	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Đầu tư dài hạn	1.212.500.000	-	1.212.500.000	-
	273.574.753.034	(19.382.168.397)	262.164.273.918	(29.777.354.400)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	98.467.891.953	125.301.821.376
Phải trả người bán, phải trả khác	67.195.041.433	48.167.956.629
Chi phí phải trả	31.126.934.575	31.990.590.159
	196.789.867.961	205.460.368.164

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Đầu tư ngắn hạn	27.780.900	-	-	27.780.900
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
	27.780.900	1.212.500.000	-	1.240.280.900
Tại ngày 01/01/2021				
Đầu tư ngắn hạn	14.727.500	-	-	14.727.500
Đầu tư dài hạn	-	1.212.500.000	-	1.212.500.000
	14.727.500	1.212.500.000	-	1.227.227.500

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	194.823.071.691	-	-	194.823.071.691
Phải thu khách hàng, phải thu khác	53.142.535.979	381.800.000	-	53.524.335.979
Đầu tư trái phiếu	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	247.965.607.670	381.800.000	2.000.000.000	250.347.407.670
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	169.594.598.484	-	-	169.594.598.484
Phải thu khách hàng, phải thu khác	49.183.293.534	381.800.000	-	49.565.093.534
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Đầu tư trái phiếu	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000
	228.777.892.018	381.800.000	2.000.000.000	231.159.692.018

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	98.467.891.953	-	-	98.467.891.953
Phải trả người bán, phải trả khác	67.195.041.433	-	-	67.195.041.433
Chi phí phải trả	31.126.934.575	-	-	31.126.934.575
	<u>196.789.867.961</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>196.789.867.961</u>
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	125.301.821.376	-	-	125.301.821.376
Phải trả người bán, phải trả khác	48.167.956.629	-	-	48.167.956.629
Chi phí phải trả	31.990.590.159	-	-	31.990.590.159
	<u>205.460.368.164</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>205.460.368.164</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

Toàn bộ số tiền vay nhận được trong năm phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là tiền thực thu từ đi vay theo kế ước thông thường.

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Toàn bộ số tiền vay đã trả trong năm phản ánh trên Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng là tiền thực trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường.

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính riêng này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại Thuyết minh số 17):

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng		177.260.611.538	159.267.499.290
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	6.309.372.493	389.756.634
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	302.755.736	80.786.422
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Công ty con	32.261.423.203	21.554.760.302
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	75.389.899.084	50.474.859.115
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội ⁽ⁱ⁾		2.416.160.991	209.619.409
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾		510.000	16.548.381.670
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Hà Tĩnh ⁽ⁱ⁾		21.060.108.595	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾		9.483.797.790	12.077.694.643
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam ⁽ⁱ⁾		7.408.474.686	19.954.851.015
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long ⁽ⁱ⁾		432.156.000	1.063.421.935
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông ⁽ⁱ⁾		5.650.303.527	5.305.613.731
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc ⁽ⁱ⁾		6.775.990.817	13.559.903.534
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung ⁽ⁱ⁾		862.379.080	1.187.398.450
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ⁽ⁱ⁾		923.994.790	6.848.412.584
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾		15.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾		73.280.360	15.836.600
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Điện Biên ⁽ⁱ⁾		7.895.004.386	9.996.203.246

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua vật tư, hàng hóa, Phí tổ chức và quản lý xuất bản		259.859.559.982	92.714.395.921
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	2.189.358.525	3.517.543.150
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội ⁽ⁱ⁾		193.003.439.659	31.359.815.839
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc ⁽ⁱ⁾		6.993.523.215	8.154.035.100
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề ⁽ⁱ⁾		8.005.596.703	8.273.858.907
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽ⁱ⁾		14.365.429.654	11.030.940.532
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	12.773.223.661	6.235.006.633
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc ⁽ⁱ⁾		6.443.942.470	6.445.516.470
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱ⁾		5.926.994.368	7.148.055.524
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾		1.799.690.351	2.460.950.396
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền thông ⁽ⁱ⁾		1.203.826.618	1.007.496.150
Công ty Cổ phần Học liệu ⁽ⁱ⁾		2.680.000.000	578.430.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	102.215.495	94.725.674
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh Giáo dục ⁽ⁱ⁾		493.179.890	868.917.600
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾		361.191.850	1.583.190.952
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Đà Nẵng ⁽ⁱ⁾		96.790.930	168.149.420
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất bản Giáo dục ⁽ⁱ⁾		-	6.500.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long ⁽ⁱ⁾		-	337.628.305
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung ⁽ⁱ⁾		-	86.015.840
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ⁽ⁱ⁾		92.321.615	353.344.945
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam ⁽ⁱ⁾		3.238.802.727	2.916.427.038
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Gia Định ⁽ⁱ⁾		90.032.251	84.599.446
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Trường Phổ thông Công nghệ Giáo dục ⁽ⁱ⁾		-	3.248.000
Chi phí dịch vụ thuê kho, thuê văn phòng		7.932.690.115	7.288.861.598
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	5.527.116.453	5.524.811.296
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội ⁽ⁱ⁾		1.161.272.728	1.158.454.213
Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾		1.244.300.934	605.596.089

	Mối quan hệ	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia		1.269.250.000	1.071.250.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽¹⁾		121.250.000	121.250.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	950.000.000	950.000.000
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Công ty con	198.000.000	-
Lãi vay phải trả		4.130.980.212	3.639.630.066
Công ty TNHH MTV Hồng Hà Thành Công	Công ty con	4.130.980.212	3.639.630.066
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:			
	Mối quan hệ	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		27.130.042.537	38.257.923.988
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	485.807.099	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Phương Nam ⁽¹⁾		3.139.314.196	16.286.548.291
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	-	2.430.713.512
Công ty Cổ phần Sách - Thiết bị trường học Lạng Sơn	Công ty con	19.937.917.588	10.775.767.600
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tây	Công ty liên kết	-	24.630.830
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Cửu Long ⁽¹⁾		232.156.000	119.081.310
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Điện Biên ⁽¹⁾		500.816.496	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng ⁽¹⁾		-	1.016.214.230
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị trường học Hà Tĩnh ⁽¹⁾		273.427.199	-
Công ty Cổ phần Mĩ thuật và Truyền		1.050.114.520	808.412.205
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc ⁽¹⁾		-	740.897.394
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung ⁽¹⁾		-	1.222.080
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam ⁽¹⁾		1.373.029.069	2.541.355.894
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học Thành phố Hồ Chí Minh ⁽¹⁾		137.460.370	3.513.080.642
Phải thu khác ngắn hạn		6.649.506.539	6.453.129.097
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội ⁽¹⁾		6.649.506.539	6.453.129.097

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
		VND	VND
Phải trả cho người bán ngắn hạn		11.567.880.629	11.039.545.999
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể	-	1.687.117.564
Công ty Cổ phần Sách dịch và Từ điển Giáo dục	Công ty con	4.871.200.890	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Hà Nội ⁽ⁱ⁾		6.090.827.961	7.543.745.298
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội ⁽ⁱ⁾		538.678.001	1.032.248.787
Công ty Cổ phần Học liệu ⁽ⁱ⁾		-	3.430.000
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục ⁽ⁱ⁾		-	17.214.000
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội ⁽ⁱ⁾		67.173.777	755.790.350

⁽ⁱ⁾ Đơn vị trực thuộc hoặc Công ty con của Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Thủ lao, thu nhập từ quỹ điều hành của từng thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác:

	Chức danh	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Ông Phạm Văn Thắng	Chủ tịch HĐQT	112.962.961	66.666.668
Ông Vũ Bá Khánh	Phó chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc (miễn nhiệm từ 21/04/2021)	293.073.036	438.444.446
Ông Lê Thành Anh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (bỏ nhiệm từ 21/04/2021)	252.703.702	-
Bà Đỗ Thị Phương	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm từ 21/04/2021)	16.296.296	53.333.332
Bà Dương Thị Việt Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	369.148.149	325.111.112
Bà Trần Thị Như Hà	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ tháng 8/2020)	-	253.333.297
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm từ 21/04/2021)	74.074.075	-
Bà Nguyễn Thanh Bình	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm từ 21/04/2021) kiêm Kế toán trưởng	256.740.741	115.111.112
Ông Phan Doãn Thoại	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm từ tháng 8/2020)	-	88.888.852
Ông Phạm Quốc Cường	Phó Tổng giám đốc	51.199.999	-
Ông Vũ Quang Thái	Phó Tổng giám đốc	74.888.888	-
Ông Nguyễn Duy Hùng	Phó Tổng giám đốc	37.999.999	-
Bà Nguyễn Thúy Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	54.444.445	26.666.667
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Kiểm soát viên	31.851.852	13.333.332
Ông Phan Đức Minh	Kiểm soát viên	31.851.852	13.333.332



32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Lương Ngọc Bích
Người lập biểu



Nguyễn Thanh Bình
Kế toán trưởng



Lê Thành Anh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2022

